TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 12 - 2025.
V/v "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân.
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Khu 3, phường K, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tài L, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình; đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị H là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tài L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Uỷ ban nhân dân xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng đến năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến vợ chồng hay xảy va chạm, xích mích, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 10 năm 2022, vợ chồng chị sống ly thân, chấm dứt

quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để chị ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, anh Nguyễn Tài L trình bày: Anh và chị H tự nguyện kết hôn từ năm 2018. Vợ chồng anh đã sống ly thân được ba năm. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức không thể giải quyết, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Do tính chất công việc, anh không thể sắp xếp và tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Về con chung: Chị H, anh L cùng trình bày, vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Đông D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018. Hiện cháu D đang ở với chị H. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh chị đều là giao cháu D cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Tài L. 2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Đông D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Tài L là bị đơn; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 - Ninh Bình. Anh Nguyễn Tài L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đây là trường hợp đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Tài L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Uỷ ban nhân dân xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh L chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh L nhất trí nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Tài L là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh L có một con chung là cháu Nguyễn Đông D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018. Hiện cháu D đang ở với chị H, được chị H nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Khi ly hôn, chị H, anh L đều có nguyện vọng giao cháu D cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Hvà anh Nguyễn Tài L thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn. Tại phiên tòa, chị H xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Chị H xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh L). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015. Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Tài L.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Đông D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh L không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị H xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh L), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí 0001164 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả lại cho chị H 150.000đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt